

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 7 - 2018

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lương

Các Hội thẩm: Ông Nguyễn Khánh Vinh
Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2018/TLST- HN ngày 08 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 94/2018/QĐ-ST ngày 25 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**; Địa chỉ: tổ 01, khu vực 5, phường K, quận P, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn T**; Địa chỉ: Số 111 Villa Nor Drive, Richardson, TX 75011, Hoa Kỳ. (Đơn ngày 20/6/2018: xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Năm 2014, bà và ông Huỳnh Văn T quen biết nhau qua tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn và tổ chức lễ cưới tại Việt Nam, đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân quận P, thành phố Cần Thơ cấp Giấy đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2016. Khoảng 01 tháng sau khi kết hôn, ông T về Hoa Kỳ sinh sống. Do phát sinh mâu thuẫn về quan điểm và lối sống nên ông T không bảo lãnh cho bà sang Hoa kỳ để đoàn tụ, khoảng 01 năm sau khi kết hôn cho đến nay giữa bà và ông T đã ly thân không còn liên lạc với nhau. Bà nhận thấy giữa hai người không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung giữa hai người bà trình bày không có và không yêu cầu giải quyết.

Phía bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày: Theo bản tường trình ngày 26/6/2018, ông T trình bày thống nhất với bà Nguyễn Thị N về quá trình tiến tới hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung như bà N đã trình bày nói trên. Do nhu cầu đời sống vợ chồng không hợp nhau, hai người sống xa nhau nên tình cảm vợ chồng

không đạt được, nên ông đồng ý hôn theo yêu cầu trên của bà N. Ông đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt ông.

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn với ông Huỳnh T đang cư trú tại Hoa Kỳ; Tòa án thụ lý, giải quyết về tranh chấp xin ly hôn theo quy định tại Điều 28 và Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, ông T về Việt Nam có đơn trình bày ý kiến và yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông, nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu ly hôn: Bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn T tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Việt Nam. Sau khi kết hôn, hai người không có điều kiện chung sống xây dựng gia đình hạnh phúc vì ông T định cư tại Hoa Kỳ còn bà N thì ở Việt Nam, giữa hai người bất đồng về quan điểm nên đã ly thân không còn liên lạc với nhau nữa. Xét thấy, mục đích của hôn nhân giữa hai bên không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự đều trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu nên không xem xét trong vụ án này.
- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 001054, ngày 07/02/2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà N đã nộp xong án phí sơ thẩm.
- Về quyền kháng cáo của các đương sự: Bà Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Huỳnh Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn là 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- UBND. Q. P;
- THA.DS-TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Nguyễn Duy Lương